TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2023/DS-PT
Ngày: 17-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương.

Bà Võ Thị Hồng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Duy Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Xuân Dương - KSV

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số số 192/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 280/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Diệp Thế V, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn Ng, xã Ph, huyện T, Bình Định.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Duy T, sinh năm 1967; cư trú tại: Tổ 2, khu vực 7, phường Nh, thành phố Q, Bình Định (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2. Chị Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: tổ 2, khu vực 5, phường Nh, thành phố Q, Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1940; cư trú tại: Tổ 2, khu vực 5, phường Nh, thành phố Q Nhơn, Bình Định. (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Duy T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của anh Diệp Thế V, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Duy T là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13 tháng 01 năm 2012, anh Nguyễn Ngọc L và chị Bùi Thị Thanh H lập Hợp đồng chuyển nhượng cho anh Diệp Thế V 01 lô đất, diện tích 150m^2 (rộng 5m x dài 30m) tọa lạc tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q, tứ cận: Đông giáp nhà ông Th; Tây giáp nhà ông L; Nam giáp đường Hùng Vương; Bắc giáp ruộng lúa; với giá chuyển nhượng là 800.000.000đ. Cùng ngày, anh V đã giao đủ số tiền trên 01 lần cho anh L, chị H. Ngoài ra, các bên đương sự còn có thỏa thuận nếu trong thời hạn 06 tháng anh L, chị H chuộc lại lô đất thì phải trả lại tiền gốc và tiền lãi cho anh V, hết thời gian 06 tháng mà anh L, chị H không có nhu cầu chuộc lại thì lô đất này thuộc quyền sử dụng của anh V. Đồng thời còn cam kết nếu lô đất chuyển nhượng có tranh chấp anh L, chị H phải chịu đền bù gấp 10 lần số tiền chuyển nhượng. Vào năm 2013, hết thời gian 06 tháng theo thỏa thuận anh V tiến hành rào lô đất và xây móng nhà bằng đá chẻ trên lô đất, diện tích xây móng nhà là 60m^2 . Sau khi xây móng nhà, anh L, chị H đã đến chiếm giữ lô đất, cất nhà vòm bằng sắt trên lô đất để làm quán bán đồ ăn, nước giải khát đến nay không trả lại lô đất cho anh V sử dụng. Nguồn gốc lô đất này của ông Nguyễn Ngọc S (cha anh L) đã làm Hợp đồng tặng cho anh L, chị H vào ngày 13 tháng 01 năm 2012 (giấy cho có chữ ký của ông Nguyễn Ngọc S và các anh chị em của ông L). Ông S có ký làm chứng vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13 tháng 01 năm 2012. Nay yêu cầu anh L, chị H giao trả lô đất tọa lạc tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q cho anh V sử dụng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Giữa anh với anh Diệp Thế V không quen biết nhau. Vào năm 2012, vợ chồng anh có mượn của vợ chồng anh H, chị N ở phường B số tiền hơn 700.000.000đ, thỏa thuận đổ vật liệu xây dựng (cát, đất, đá) để trừ nợ. Do vợ chồng anh H, chị N có nợ tiền của anh Diệp Thế V khoản tiền tương đương nên các bên thoả thuận cấn trừ số tiền nợ của vợ chồng anh sang cho anh V. Năm 2012, vợ chồng anh có viết giấy nhận nợ cho anh V số tiền 726.000.000đ. Sau đó, anh V dẫn rất nhiều người đến nhà đe dọa ép vợ chồng anh ký vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do anh V soạn sẵn và cho người lên nhà cha anh (ông Nguyễn Ngọc S) ép ký vào Hợp đồng này. Vào ngày 13 tháng 01 năm 2012, cha và các anh chị em có ký vào Hợp đồng tặng cho vợ chồng anh thửa đất 260, tờ bản đồ số 28, diện tích 150m^2, ngang 5m dài 30m,

nhưng nội bộ gia đình nên chỉ có giấy viết tay. Hiện đất này vẫn chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nội dung hợp đồng cũng thể hiện rõ việc bản chất của việc vay mượn ở nội dung điều 2 phần cam kết. Thực chất giao dịch này không phải là chuyển nhượng đất, vợ chồng anh không có quyền chuyển nhượng phần đất này theo quy định của pháp luật. Việc anh V cho rằng bỏ tiền xây móng nhà trên phần đất chuyển nhượng là không đúng. Anh V chưa nhận đất để sử dụng nên không có việc xây móng nhà trên đất. Móng đá chẻ do người thuê bán quán xây vì qua nhiều người thuê nên anh không biết ai xây. Vợ chồng anh đang sử dụng diện tích đất này và có trả tiền thuê cho chị em gia đình. Nay nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh phải trả lô đất tọa lạc tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q cho anh V sử dụng anh không đồng ý. Anh yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay đối với thửa đất số 260, tờ bản đồ số 28, diện tích sử dụng 150m^2 vì Hợp đồng này vô hiệu do giả tạo bản chất là giao dịch vay tài sản. Vợ chồng anh nợ anh V số tiền 726.000.000đ (anh V đang giữ giấy nợ) chứ không phải 800.000.000đ như ghi trong Hợp đồng. Do không giữ bản gốc giấy nợ nên vợ chồng anh đồng ý trả cho anh V 800.000.000 đồng và lãi theo qui định pháp luật.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Thị Thanh H trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Ngọc L, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Chữ ký, chữ viết trong phần người chứng thực ở giấy hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 13 tháng 01 năm 2012 là của ông. Ông không nhớ viết vào lúc nào nhưng viết tại nhà ông. Một người phụ nữ đến nhà nói với ông có cho ông L mượn 800.000.000đ và bảo ông ký vào giấy xác nhận là đất không tranh chấp. Nguồn gốc thửa đất 260, tờ bản đồ 28 diện tích 150m^2 có nguồn gốc của ông bà để lại, hiện nay ông L đang quản lý, có kê khai ở phường Nh. Việc ông cho ông L thửa đất trên là trong nội bộ gia đình do đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất .

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu 1 đền 10 số tiền chuyển nhượng theo nội dung thoả thuận. Bị đơn tự nguyện trả lại 800.000.000đ theo nội dung Hợp đồng chuyển nhượng và lãi theo qui định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của anh Diệp Thế V đối với anh Nguyễn Ngọc L, chị Bùi Thị Thanh H đòi anh L, chị H giao trả một phần lô đất theo đo đạc thực tế của công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương ngày 06 tháng 5 năm 2022 là 106,9m^2 tọa lạc tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q cho anh V sử dụng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Ngọc L; tuyên bố: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh L, chị H cho anh V một phần thửa đất 265, tờ bản đồ 28 đo đạc thực tế của công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương ngày 06 tháng 5 năm 2022 là 106,9m^2 tọa tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q, tỉnh Bình Định là vô hiệu.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Ngọc L, chị Bùi Thị Thanh H trả cho anh Diệp Thế V 800.000.000đ và lãi suất chậm trả 769.800.000đ tổng cộng là 1.569.800.000đ.

- Bác yêu cầu anh Diệp Thế V đòi bồi thường 01 đền 10 trong trường hợp toà tuyên Hợp đồng vô hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Trần Duy T có đơn kháng cáo yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/01/2012 giữa anh Diệp Thế V và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L, chị Bùi Thị Thanh H hợp pháp, đồng thời buộc vợ chồng anh L, chị H phải giao trả lô đất tại tổ 2, khu vực 5, phường Nh, thành phố Q cho anh Diệp Thế V.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đồng thời giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các bên đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L, chị Bùi Thị Thanh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Duy T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Thửa đất 260, tờ bản đồ 28, diện tích 150m^2, ngang 5m dài 30m (theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2001 là một phần thửa đất 265, tờ bản đồ 28), tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q, tỉnh Bình Định có nguồn góc là của ông Nguyễn Ngọc S (cha anh L). Ông S cùng các anh chị em trong gia đình thống nhất lập hợp đồng bằng văn bản tặng cho vợ chồng anh L, chị H nhưng không được công chứng chứng thực (Hợp đồng tặng cho không ghi thời gian lập hợp đồng). Sau khi được tặng cho quyền sử dụng đất, anh Nguyễn Ngọc L đã trực tiếp sử dụng thửa đất này nhưng chưa được cơ quan

có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/01/2012 anh Nguyễn Ngọc L và chị Bùi Thị Thanh H với anh Diệp Thế V lập "Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" nói trên với nội dung là anh Long, chị Hương chuyển nhượng diện tích đất nói trên cho anh V. Hợp đồng bằng giấy tay, không được công chứng, chứng thực là không đúng theo qui định tại khoản 2 Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặc khác, tại thời điểm lập Hợp đồng chuyển nhượng anh L, chị H không có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất này". Như vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh L, chị H và anh V chưa đủ điều kiện để chuyển nhượng theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2003. Do đó, nguyên đơn anh Diệp Thế V kháng cáo yêu cầu công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 13/01/2012 giữa anh Diệp Thế V và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L, chị Bùi Thị Thanh H hợp pháp là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa anh L, chị H với anh V vô hiệu do giả tạo với lý do bản chất hợp đồng này là xuất phát từ việc vay tiền giữa anh V với vợ chồng anh L, chị H là không có cơ sở vững chắc. Bởi lẽ, anh L, chị H khai là mượn của vợ chồng anh H, chị N ở phường Bùi Thị X số tiền hơn 700.000.000đ, thỏa thuận đổ vật liệu xây dựng (cát, đất, đá) để trừ nợ. Do vợ chồng anh H, chị N có nợ anh Diệp Thế V khoản tiền tương đương nên các bên thoả thuận cấn trừ số tiền nợ của vợ chồng anh L, chị H sang cho anh V, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Trần Duy T không thừa nhận là anh Nguyễn Ngọc L, chị Bùi Thị Thanh H có nợ tiền của anh Diệp Thế V trong khi đó anh L, chị H không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc vay, mượn tiền và việc cấn trừ nợ giữa các bên, không cung cấp đầy đủ họ tên và địa chỉ cụ thể của anh H, chị N để Tòa án làm rõ nội dung có hay không sự việc cấn nợ tiền nên không đủ căn cứ xác định anh L, chị H chuyển nhượng đất cho ông V là để trừ nợ. Do đó, không đủ căn cứ xác định định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, giữa anh L, chị H với anh V vô hiệu do giả tạo.

[2.3] Như phân tích tại đoạn [2.1] thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh L, chị H với anh V đối với một phần thửa đất 265, tờ bản đồ 28 tọa lạc tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q, tỉnh Bình Định vô hiệu do vi phạm điều cấm. Do đó, anh V kháng cáo yêu cầu vợ chồng anh L, chị H phải giao trả diện tích đất nói trên cho anh Diệp Thế V là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu:

Đối với giao dịch chuyển nhượng này không có việc chuyển giao quyền sử dụng đất, bị đơn anh L, chị H vẫn quản lý, sử dụng đất nên không có việc hoàn trả đối tượng chuyển nhượng. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến hợp đồng vô hiệu là lỗi của cả nguyên đơn và bị đơn nên mỗi bên phải chịu 1/2 lỗi dẫn đến hợp đông vô hiệu.

Theo biên bản định giá ngày 19/01/2022 thì giá trị phần đất chuyển nhượng theo giá thị trường tại thời điểm xét xử là 35.000.000đ/m^2, vậy 150m^2 x 35.000.000đ =

5.250.000.000đ. Theo giá chuyển nhượng trong hợp đồng thì anh L, chị H đã nhận 800.000.000đ tiền chuyển nhượng đất, nên số giá trị tài sản để tính lỗi là 4.450.000.000đ (5.250.000.000đ - 800.000.000đ) : 2 = 2.225.000.000đ. Như vậy, anh L, chị H phải bồi thường một nửa thiệt hại do hợp đồng vô hiệu cho anh V là 2.225.000.000đ và trả 800.000.000đ tiền nhận chuyển nhượng đất, tổng cộng là 3.025.000.000đ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Diệp Thế V. Sửa Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì anh Diệp Thế V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí không có giá ngạch và 76.500.000đ tiền án phí có giá ngạch, tổng cộng là 72.800.000đ. Anh Nguyễn Ngọc L và chị Bùi Thị Thanh H phải chịu 92.500.000đ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì anh Diệp Thế V không phải chịu 300.000 đồng.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Diệp Thế Vinh, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2003;

Căn cứ các điều 121, 122, 127, 128, 137, 467 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Diệp Thế V.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 280/2022/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Thế V.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Ngọc L.

5. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Nguyễn Ngọc L, chị Bùi Thị Thanh H với anh Diệp Thế V đối với một phần thửa đất 265, tờ bản đồ 28, diện tích 150m^2 (theo đo đạc thực tế của công ty cổ phần tư vấn Đạt Phương ngày 06 tháng 5 năm 2022 là 106,9m^2)tọa tại tổ 2, KV5, P. Nh, TP. Q, tỉnh Bình Định vô hiệu.

6. Buộc anh Nguyễn Ngọc L và chị Bùi Thị Thanh H trả lại cho anh Diệp Thế V 800.000.000đ tiền nhận chuyển nhượng đất và bồi thường ½ giá trị thiệt hại do hợp đồng vô hiệu cho anh Diệp Thế V là 2.225.000.000đ, tổng cộng là 3.025.000.000đ (Ba tỷ không trăm hai mươi lăm triệu đồng).

7. Về chi phí tố tụng và án phí:

7.1. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Diệp Thế V phải chịu 7.846.000đ (đã nộp xong).

7.2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Diệp Thế V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí không có giá ngạch và 76.500.000đ tiền án phí có giá ngạch, tổng cộng là 72.800.000đ nhưng được được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 007984 ngày 03/6/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự TP. Q, anh Diệp Thế V còn phải nộp là 54.800.000đ (Năm mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Anh Nguyễn Ngọc L và chị Bùi Thị Thanh H phải chịu 92.500.000đ nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Ngọc L đã nộp theo biên lai thu số 0002535 tại Chi cục thi hành án Dân sự TP. Q, anh L và chị H còn phải nộp là 92.200.000đ (Chín mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Anh Diệp Thế V không phải chịu.

Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho anh Diệp Thế V theo biên lai thu số 00696 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

8. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

9.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(*đã ký và đóng dấu*)

Đỗ Thị Thắm